

Đơn vị: Trung tâm Phát triển hạ tầng

Chương: 505

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Phát triển hạ tầng công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý III năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	12.309	6.728	54,66%	214,61%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	12.309	6.728	54,66%	214,61%
	Thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ (Cho thuê bến bãi, nhà kho, Kí ốt, xử lý nước thải, xe ra vào KCN, CCN, cửa hàng dịch vụ, dịch vụ cung cấp nước sạch)	12.309	6.728	54,66%	214,61%
II	Chi từ nguồn thu được để lại	12.292	2.885	23,47%	117,53%
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	0	0	0	
1.1	Chi sự nghiệp kinh tế khác	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	12.292	2.885	23,47%	117,53%
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế khác	12.292	2.885	23,47%	117,53%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.292	2.885	23,47%	117,53%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	1.763	398,00	22,58%	10,23%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (đất, thuế GTGT)	1.763	398,00	22,58%	10,23%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.319	422,37	32,02%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.319	422,37	32,02%	921,0%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế	1.319	422,37	32,02%	921,0%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tiền Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Trung Nghĩa

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ 3 NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Tổng số thu được để lại	6.728,00	
I	Thu hoạt động thường xuyên	4.714,00	
	- Thu tiền: Bến bãi; Thu tiền các PT vận tải, hàng rong, MB và khác; Thu tiền cho thuê nhà kho; Thu tiền Khu DV công nhân CCN Trung An (Kiot); Thu tiền cây nước, xe đậu, bến bãi; Thu tiền QLDH CCN.	4.714,00	
II	Thu hoạt động xử lý nước thải KCN Mỹ Tho	2.014,000	
III	Các khoản nộp vào Ngân sách Nhà nước	398,00	
	- Nộp tiền, khấu hao HT, bến bãi; Nộp tiền thuê đất KCN, CCN, GTGT	398,00	
IV	Chi HĐ thường xuyên và HĐ xử lý nước thải KCN	2.885,10	
1	Chi cho người lao động	1.144,00	
	- Tiền lương, phụ cấp lương	603,00	
	- Tiền công	273,00	
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	68,00	
	- Mục 6250: Phúc lợi tập thể	6,00	
	- Các khoản đóng góp	194,00	
2	Chi quản lý hành chính	319,10	
	- Thanh toán DV công cộng	216,00	
	+ Thanh toán tiền điện	213,00	
	+ Thanh toán tiền nước	2,00	
	+ Thanh toán tiền nhiên liệu	1,00	
	- Văn phòng phẩm	13,00	
	+ Văn phòng phẩm	8,00	
	+ Vật tư văn phòng khác	5,00	
	- Thông tin liên lạc	31,10	
	+ Cước điện thoại trong nước	0,80	
	+ Cước phí bưu chính	0,30	
	+ Dịch vụ internet	30,00	
	- Mục 6700: Công tác phí	1,00	
	+ Mục 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	1,00	
	- Mục 6750: Chi phí thuê mướn	33,00	
	+ Mục 6757: Chi phí thuê mướn lao động trong nước	33,00	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	- SC thường xuyên văn phòng Cty, SC nhỏ máy móc thiết bị NMXLNT	58,00	
	+ Các thiết bị công nghệ thông tin	12,00	
	+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	46,00	
3	Chi hoạt động nghiệp vụ	101,00	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	101,00	
	+ Chi phí chuyên môn khác	101,00	
	<i>Chi tiền hoá chất, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thu gom vận chuyển rác thải, chi chuyên môn khác...</i>	101,00	
4	Chi khác	251,00	
	- Chi khác	251,00	
	+ Chi khác	251,00	
6	Chi trích khấu hao TSCĐ	1.070,00	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	422,37	
1	Nguồn ngân sách trong nước	422,37	
	- Chi hoạt động kinh tế	422,37	
	+ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	+ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	422,37	
	+ Tiền vệ sinh môi trường	15,00	
	+ Tiền điện chiếu sáng KCN Mỹ Tho	23,00	
	+ Tiền xăng phục vụ dọn vệ sinh, tuần tra KCN Mỹ Tho	12,00	
	+ Đường điện, cấp thoát nước	54,37	
	+ Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay	302,00	
	+ Chi mua vật tư hàng hóa	9,00	
	+ Chi khác	7,00	

Lập biểu



Nguyễn Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Võ Văn Dũng

Ngày 14 tháng 10 năm 2025

Giám đốc




Nguyễn Trung Nghĩa